

NĂNG SUẤT THEO CÁCH TIẾP CẬN MỚI VÀ CHUYỂN ĐỔI KINH TẾ

Các nhà nghiên cứu đã chứng minh rằng, sự phát triển năng suất gắn chặt với phát triển kinh tế, trở thành động lực thúc đẩy kinh tế - xã hội phát triển. Trên thực tế, năng suất và chuyển đổi kinh tế có mối quan hệ nhân quả, chúng diễn ra đồng thời dưới tác động mạnh mẽ của khoa học và công nghệ trong các hoạt động sản xuất, kinh doanh.

Năng suất - Tiếp cận từ chuyển đổi kinh tế

Năng suất và chuyển đổi kinh tế trực tiếp thúc đẩy tăng trưởng kinh tế với biểu hiện tập trung ở mức tăng thu nhập (GDP/người). Sự chuyển đổi kinh tế trước hết thể hiện ở sự thay đổi tỷ phần lao động (việc làm) trong các ngành kinh tế; nó thường diễn ra dưới những hình thức, phương pháp sản xuất - kinh doanh - dịch vụ có lợi thế, khả năng tạo ra đầu ra từ chi phí đầu vào, phát triển những hàng hóa và dịch vụ mới, sự thay đổi tỷ phần xuất/nhập khẩu của các ngành... Hầu hết các nước đang phát triển, trong đó có Việt Nam, khi tiến hành quá trình công nghiệp hóa đều coi chuyển đổi kinh tế (hay cơ cấu lại các thành phần kinh tế) là yêu cầu và điều kiện để chuyển từ sản xuất dựa trên nền tảng công nghệ lạc hậu, lao động thủ công chiếm tỷ trọng lớn, năng suất, chất lượng, hiệu quả thấp sang sản xuất dựa trên nền tảng công nghệ tiên bộ, lao động có kỹ năng theo phương thức sản xuất công nghiệp.

Lịch sử phát triển kinh tế thế giới cho thấy, gần như cả thế kỷ XIX trở về trước, trừ một số nước tiên tiến, sự chuyển đổi kinh tế

là không đáng kể, đại bộ phận lao động làm việc trong khu vực nông nghiệp. Chỉ bắt đầu từ cuối thế kỷ XIX, nhất là sang đầu thế kỷ XX thì tình hình mới thay đổi: sự chuyển đổi kinh tế diễn ra nhanh chóng, các ngành công nghiệp, dịch vụ phát triển nhanh hơn các ngành công nghiệp chế tạo, và thế kỷ XX thành thế kỷ của xã hội công nghiệp và kinh tế dịch vụ. Ở một số nước tiên tiến như Mỹ, Tây Âu thì sự chuyển đổi kinh tế diễn ra với tốc độ chóng mặt trong thời gian trên. Tại Mỹ, lực lượng lao động nông nghiệp chiếm 50% năm 1870, giảm còn 7% vào năm 1960; ở các nước châu Âu, lao động nông nghiệp chiếm 25% năm 1950 đã giảm còn 7% vào năm 1993.

Điều gì khiến cho quá trình chuyển đổi kinh tế diễn ra nhanh như vậy? Qua nghiên cứu, khảo sát thực tế từ nhiều nước, các nhà kinh tế cho rằng, đó chủ yếu là do năng suất tăng trưởng nhanh trong các ngành công nghiệp chế tạo và dịch vụ. Hơn nữa, sau hàng ngàn năm trì trệ, từ năm 1870 trở đi, sự phát triển năng suất ngày càng gắn chặt với phát triển kinh tế, trở thành động lực thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội và theo đó là sự chuyển

đổi kinh tế diễn ra ngày càng sâu rộng. Theo nghiên cứu được công bố năm 1982 của nhà kinh tế học Maddison, từ năm 1870 tới năm 1979 năng suất của Mỹ tăng 1.100 lần, còn Nhật Bản tăng tới 2.500 lần. Sự tăng năng suất đó tính theo thu nhập trên đầu người thì ở Nhật Bản tăng 1.700 lần, còn ở Mỹ tăng 700 lần.

Theo các chuyên gia của Tổ chức Năng suất châu Á, quá trình chuyển đổi kinh tế ở các nước châu Á chậm hơn so với Mỹ và Tây Âu, nhưng từ những năm 50-60 (thế kỷ XX) quá trình đó đã tăng tốc rõ rệt, đặc biệt là ở Nhật Bản và các nước, vùng lãnh thổ như Singapore, Đài Loan, Hàn Quốc... Ở những nước đang phát triển như Ấn Độ, Malaysia, Thái Lan thì tỷ lệ lao động đã và đang chuyển từ nông thôn ra các vùng đô thị, chuyển từ nông nghiệp sang các lĩnh vực công nghiệp và dịch vụ ngày càng cao. Ở Việt Nam, quá trình chuyển đổi kinh tế tuy diễn ra chậm hơn so với các nước khác trong khu vực, nhưng là một tất yếu của quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa. Từ thập niên 90 trở lại đây, rõ ràng quá trình đó đã diễn ra nhanh hơn cùng với việc chuyển sang nền kinh tế thị trường, tăng cường

dầu tư phát triển các ngành công nghiệp, xây dựng và dịch vụ (trong đó phần rất quan trọng là liên doanh đầu tư với nước ngoài, nước ngoài đầu tư 100% vốn và những hoạt động kinh tế đối ngoại, đặc biệt là mở rộng hoạt động xuất/nhập khẩu).

Hiện nay, tỷ lệ lao động trong nông nghiệp (kể cả lâm nghiệp và thủy sản) ở Việt Nam chỉ còn dưới 70%. Động lực thúc đẩy nhanh quá trình chuyển đổi kinh tế chính là năng suất tăng nhanh nhờ đổi mới công nghệ (thể hiện tập trung ở cường độ vốn tăng nhanh, tức vốn là thiết bị công nghệ được đầu tư tính theo đầu người lao động trực tiếp), nhờ kỹ năng lao động được tăng lên (đặc biệt là lao động được đào tạo gắn liền với các công trình, dự án đầu tư phát triển công nghệ cao), nhờ hiệu lực và hiệu quả của đổi mới quản lý, đặc biệt là các chính sách của quản lý nhà nước về đầu tư, tài chính ngân hàng, xuất nhập khẩu và sự năng động trong tiếp cận thị trường, đổi mới và nâng cao chất lượng hàng hóa, dịch vụ của các doanh nghiệp. Theo tính toán của Viện Khoa học Thống kê thì năng suất trong các ngành công nghiệp của Việt Nam tăng cao nhất là thời kỳ 1991-1996, tăng bình quân 13%/năm. Đây là tốc độ cao nhất so với các nước châu Á (trong thời kỳ thịnh vượng vào những năm 80-90, năng suất bình quân của một số nước châu Á cũng chỉ tăng hàng năm từ 4 đến 6%).

Năng suất và chuyển đổi kinh tế - Mối quan hệ nhân quả

Dưới tác động của quá trình toàn cầu hóa, tự do hóa các hoạt

động kinh tế của thế giới, năng suất và chuyển đổi kinh tế càng gắn chặt với nhau hơn. Bất cứ quốc gia nào cũng đều hướng tới mục tiêu nâng cao chất lượng cuộc sống. Muốn vậy thì phải nâng cao các tiêu chuẩn của mức sống về vật chất và tinh thần, có nghĩa là phải tăng giá trị gia tăng trong các hoạt động kinh tế. Giá trị gia tăng là giá trị do chính các doanh nghiệp hay ngành sản xuất, kinh doanh, dịch vụ tạo ra không bao gồm các giá trị trung gian như nguyên vật liệu và dịch vụ mua ngoài. Giá trị gia tăng tạo ra hiệu quả thực, chính là tạo ra năng suất theo cách tiếp cận mới. Để có giá trị gia tăng cao thì phải đảm bảo hai yếu tố chính: việc làm cho người lao động và tăng năng suất. Nhưng để tăng năng suất thì phải tăng cường độ vốn (vốn là tài sản cố định, trong đó chủ yếu là thiết bị công nghệ, đầu tư cho một lao động) và tăng TFP. TFP chính là năng suất tạo bởi các yếu tố vô hình, trong đó có: chất lượng lao động (kiến thức, kinh nghiệm, kỹ năng), chất lượng vốn tài sản cố định (chủ yếu là chất lượng thiết bị, công nghệ), cơ cấu lại các ngành hay loại hàng hóa, dịch vụ (chuyển từ ngành hay hàng hóa, dịch vụ có khả năng tạo giá trị gia tăng thấp sang ngành hay hàng hóa, dịch vụ có khả năng tạo giá trị gia tăng cao), khả năng đáp ứng những đòi hỏi của thị trường, chất lượng của quản lý, vai trò của công nghệ (chủ yếu là vai trò của nghiên cứu - triển khai góp phần thúc đẩy đổi mới công nghệ, đổi mới hàng hóa, dịch vụ, tăng năng suất).

Người ta thấy rằng, khi cường độ vốn và TFP tăng lên thì năng

suất sẽ tăng lên và chi phí cho đơn vị lao động sẽ giảm một cách tương đối (theo khái niệm kinh tế thì đây là biểu hiện cho tính cạnh tranh cao về chi phí lao động). Sự giảm chi phí cho đơn vị lao động đó là do chất lượng hàng hóa và dịch vụ tốt hơn, tính cạnh tranh trong xuất khẩu cũng tăng lên. Hiệu quả tổng hợp của nâng cao năng suất, có việc làm và tăng xuất khẩu sẽ làm cho GDP tăng với mức độ cao hơn.

Lịch sử phát triển kinh tế cho thấy, ở một nước phát triển kinh tế cao thì tất yếu thu nhập trên đầu người cao và theo đó cũng sẽ xuất hiện những nhu cầu (nguồn tiêu thụ) cao hơn và mới. Nhu cầu hàng hóa chế tạo và dịch vụ ngày càng cao về lượng và chất so với sản phẩm nông nghiệp. Bên cạnh đó, đòi hỏi những loại hình khác nhau của hàng hóa chế tạo và dịch vụ phải thay đổi tương ứng với mức thu nhập được nâng cao. Với ý nghĩa đó, sự chuyển đổi kinh tế dưới tác động của tăng năng suất là đòi hỏi tất yếu. Quá trình công nghiệp hóa, xét trên ý nghĩa kinh tế và quản lý cũng là quá trình chuyển đổi kinh tế, theo kinh nghiệm phổ biến của nhiều nước, cũng chính là quá trình điều chỉnh nhu cầu nội tại, phát huy nội lực của nền kinh tế theo những đòi hỏi của sự hòa nhập với thế giới bên ngoài. Điều đáng lưu ý là, trong quá trình chuyển đổi kinh tế này sẽ xuất hiện thêm những ngành sản xuất kinh doanh, dịch vụ, trong đó một số lĩnh vực sẽ trở thành quan trọng; nhiều công việc mới sẽ xuất hiện, đó là những lĩnh vực chế tạo và dịch vụ có giá trị gia tăng cao hơn, nó đòi hỏi sự đầu tư nhiều hơn về công nghệ. Đương nhiên,



Hàng hoá xuất khẩu của Việt Nam giá trị gia tăng còn thấp

ở những lĩnh vực mới đó, năng suất cũng sẽ cao hơn về mặt giá trị và độ tin cậy của các quá trình cũng cao hơn.

Tóm lại, mối quan hệ giữa năng suất và chuyển đổi kinh tế là mối quan hệ nhân quả diễn ra đồng thời trong quá trình thay đổi tỷ phần các kết quả đầu ra của các ngành kinh tế với sự thay đổi tỷ phần lao động tương ứng. Mối quan hệ đó là sự chuyển hóa theo hướng tiến bộ xã hội có tính quy luật dưới tác động mạnh mẽ của khoa học và công nghệ được sử dụng trong các hoạt động sản xuất - kinh doanh - dịch vụ.

Tại Việt Nam, trong bản báo cáo cấp quốc gia đầu tiên về năng lực cạnh tranh của nền kinh tế do Viện Nghiên cứu Quản lý Kinh tế Trung ương và Học viện Năng lực cạnh tranh châu Á phối hợp xây dựng, GS Michael Porter - “cha đẻ” của chiến lược cạnh tranh và cũng là người trực tiếp chỉ đạo việc xây dựng báo cáo này đã chỉ ra 3 điểm yếu của kinh tế Việt Nam hiện nay là: năng suất lao động thấp, thiếu kinh tế

cụm ngành và chính sách kinh tế vĩ mô không ổn định.

Theo GS M. Porter, mô hình phát triển dựa trên các yếu tố tự nhiên được thừa hưởng đã giúp Việt Nam tăng trưởng trong 15-20 năm qua, hiện đã lỗi thời và Việt Nam cần sớm đưa ra một mô hình mới. Nếu Việt Nam tiếp tục tăng trưởng theo kiểu cũ, tức là dựa chủ yếu vào đặc điểm địa lý hay dân cư thì không có nghĩa là khủng hoảng sẽ đến vào năm sau, nhưng chắc chắn không thể duy trì mô hình này trong vòng 5-10 năm tới.

Nhìn lại quá trình tăng trưởng kinh tế trong thời gian vừa qua, nhiều chuyên gia kinh tế tỏ ra ấn tượng về tốc độ tăng trưởng GDP cũng như mức thu nhập bình quân đầu người (1.160 USD) mà Việt Nam đạt được. Tuy nhiên, các chuyên gia cũng khẳng định, mức độ thịnh vượng mà xã hội và người dân được hưởng vẫn chưa tương xứng với tốc độ tăng trưởng. Nguyên nhân chủ yếu là do năng suất lao động chung

trong nền kinh tế (động lực chính cho sự thịnh vượng) còn ở mức quá thấp. Điều này cũng trực tiếp ảnh hưởng đến mô hình tăng trưởng vốn đang dựa nhiều vào hội nhập và chuyển dịch lao động hiện nay (mô hình cổ điển).

Theo các chuyên gia thì mặc dù lượng hàng hóa xuất khẩu chủ yếu từ khu vực công nghiệp nhưng giá trị gia tăng còn thấp. Việt Nam cũng chỉ chủ yếu có thị phần xuất khẩu lớn trong các ngành sử dụng nhiều lao động và tài nguyên thiên nhiên. Sự liên kết giữa các nhóm ngành xuất khẩu là hầu như không có. Điều này khiến những mặt hàng xuất khẩu chủ yếu của Việt Nam thường không liên quan đến nhau (thủy sản, dệt, đồ nội thất, may mặc, giày dép...). Do đó, không tạo được hiệu ứng “tràn ngập” tại các thị trường lớn như EU hay Mỹ.

Những bất cập nêu trên sẽ đặt ra những thách thức lớn đối với Việt Nam trong thời gian tới, trực tiếp ảnh hưởng tới các cân đối vĩ mô. Vì vậy, Việt Nam cần đặt ra một chiến lược mới với 3 nguyên tắc chỉ đạo cơ bản là đặt năng lực cạnh tranh ở vị trí trung tâm, coi trọng vai trò kinh tế tư nhân và đưa vai trò của Chính phủ trở thành người tạo dựng lợi thế cho nền kinh tế. Ba nguyên tắc này được coi là chìa khóa để điều chỉnh các mất cân đối vĩ mô hiện tại cũng như tạo nền tảng cho một nền sản xuất có năng suất cao hơn ■

**(Chương trình quốc gia về
nâng cao NSCL SPHH
của doanh nghiệp Việt Nam
đến 2020)**